

Vợ chồng A Phủ

➤ Đề 1: Cảm nhận về nhân vật A Phủ trong truyện ngắn “ Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài”.
Từ đó nhận xét về giá trị nhân đạo mà Tô Hoài gửi gắm.

Trên chặng đường nghệ thuật Tô Hoài từng cho rằng “ Viết văn là một quá trình đấu tranh để viết ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc.” Chính vì thế ngay cả khi ông viết về miền núi, về những chuyến đi thực tế thì những trang sách của ông vẫn mang theo những vốn hiểu biết sâu sắc về nhiều vùng miền với vốn ngôn ngữ giản dị, mộc mạc. Từ những dòng ký ức không phai khi trở về tuổi thơ với hình ảnh Dế Mèn, thì giờ đây ngòi bút của Tô Hoài hướng đến hiện thực về số phận những người dân bị áp bức, bóc lột nơi miền núi qua tác phẩm “ Vợ Chồng A Phủ.” Mà đặc sắc hơn cả là hình ảnh của A Phủ- một chàng trai tự do của núi rừng với số phận bất hạnh.

Nhà thơ Trần Đăng Khoa khi được tiếp xúc với Tô Hoài đã để lại nhiều trầm trồ, thán phục: “ Tô Hoài là nhà Hà Nội học.” bởi những kiến thức ông biết không có trong bất cứ một cuốn sách nào, một thư viện nào. Đặc biệt hơn cả, ngòi bút của Tô Hoài luôn dành một sự quan tâm lớn hướng đến những con người lao động đặc biệt là những con người lao động nghèo có số phận bất hạnh ở vùng núi cao Tây Bắc. Tác phẩm “ Vợ chồng A Phủ” cũng là một trong những tác phẩm đặc sắc như thế được Tô Hoài sáng tác sau chuyến đi thực tế tại Tây Bắc năm 1952, như một cách để trả ơn nghĩa tình sâu nặng của đồng bào vùng cao.

Trong tác phẩm này tác giả đã xây dựng hình tượng nhân vật A Phủ người nô lệ sẵn sàng đi tìm sự tự do, đứng lên gỡ bỏ xiềng xích, ghét những bất công ngang trái,.. A Phủ đã xuất hiện trong một hoàn cảnh đặc biệt, bất bình trước cái xấu đứng ra bảo vệ kẻ yếu qua một loạt các động từ mạnh được tác giả miêu tả một cách sinh động: “chạy vụt ra” , “ xộc tới” “ nắm cái vòng cổ”, “kéo dập đầu xuống”, “xé vai áo”, “ đánh tới tấp”,... Giọng văn dồn dập khẩn trương đã hé mở tính cách của nhân vật mạnh mẽ ngang tàng, bướng bỉnh.

A Phủ là một chàng trai có số phận éo le, là nạn nhân của những hủ tục lạc hậu. A Phủ là người Háng Bla. Cha mẹ anh chị em của A Phủ mất trong một trận dịch đậu mùa. Năm ấy A Phủ 10 tuổi. Tuy còn nhỏ nhưng A Phủ đã mang trong mình một cá tính mạnh mẽ. Khi có người làng bắt A Phủ bán cho người Thái dưới cánh đồng thấp.A Phủ ngang bướng không cam chịu ở dưới cánh đồng thấp, rồi trốn lên núi cao rồi lưu lạc đến Hồng Ngài. Qua đó, Tô Hoài đã vẽ lên số phận của một đứa trẻ có tuổi thơ bơ vơ bất hạnh và chịu nhiều đau thương.

Dù cuộc đời chịu nhiều sóng gió nhưng A Phủ là một con người có phẩm chất tốt đẹp, là chàng trai tự do của núi rừng. Trước hết, A Phủ hiện lên là một chàng trai ngang tàng bướng bỉnh không sợ cường quyền, ghét những bất công ngang trái. Từ khi còn nhỏ đã dám một mình trốn lên cánh đồng cao để tìm ánh sáng của sự tự do. Trong một lần đi chơi, vì sự bất bình, A Phủ dám đánh con quan làng khi A Phủ phá đám những đám chơi những cuộc chơi của trai gái ngày tết. A Phủ khác với tất cả những người khác, không sợ cường quyền và sẵn sàng giúp đỡ kẻ yếu. Trong phiên sự kiện, A Phủ bị đánh đập tàn nhẫn nhưng không hề khóc lóc van xin. A Phủ quỳ chịu đòn chỉ “im lặng như tượng đá”.

Không chỉ thế anh yêu lao động, giỏi giang và khỏe mạnh. Có lẽ a phủ lớn lên trong lao động, một mình bươn chải kiếm sống, vì thế mà A Phủ biết đục lười cày, biết địu cuốc lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo. A Phủ chạy nhanh như ngựa, A Phủ đã trở thành niềm khao khát của bao cô gái trong làng. Anh được nhiều người mê nhiều người nói đứa nào lấy được A Phủ là bằng có được con trâu tốt trong nhà. Nhưng A Phủ nghèo nên không lấy được vợ, vì vậy vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn A Phủ vẫn sống một đời sống tâm hồn phóng khoáng hồn nhiên yêu đời yêu chính nghĩa tự do của tuổi trẻ. A phủ chỉ có độc một chiếc vòng vía lần trên cổ,

cũng chẳng có quần áo mới. A Phũ cũng cứ cùng trai làng đem sáo khèn, đem con quay vào quả pao, của yến đi tìm người yêu ở cái làng trong vùng. Có lẽ ở A Phũ hội tụ những phẩm chất tốt đẹp của con người lao động vùng núi.

A Phũ là nạn nhân của cường quyền và nạn nhân của chính sách cho vay nặng lãi của bọn chủ nô phong kiến miền núi. Đau khổ hơn, A Phũ là đứa con của núi rừng tự do mà vẫn không thoát khỏi kiếp sống nô lệ. Sự việc xảy ra vào đêm hội mùa xuân, thấy thái độ hống hách của A Sủ, A Phũ đã ném con quay bằng gỗ vào mặt A Sủ rồi nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp... Hành động dữ dội của đó của A Phũ có nguyên nhân sâu xa từ mối hận thù giai cấp, anh rất ghét cường quyền bạo ngược của bọn giàu có. Có lẽ, đó còn do tính cách ngang tàng yêu lẽ phải, ghét bất công mà A Phũ đã đánh con quan làng và sau đó bị cha con thống lý bắt về sự kiện. Trong phiên sự kiện, một không gian như thời trung cổ đã man tàn bạo quái gở được hiện lên thật sinh động qua ngòi bút miêu tả của Tô Hoài. Xử kiện bên bàn đèn thuốc phiện và bị cáo là A Phũ không được bào chữa một lời nào. Thậm chí, A Phũ còn bị mọi người xô đến đánh suốt từ trưa đến đêm. Mặt A Phũ sưng lên, môi và đuôi mắt chảy máu. Cuối cùng, A Phũ phải đền cho nhà thống lý một trăm đồng bạc trắng và trở thành người ở gạt nợ của nhà thống lý pá tra. Chính sách cho vay nặng lãi ấy đã biến chàng trai trẻ yêu tự do thành nô lệ với bản án chung thân suốt đời. Đúng như lời tên Pá Tra đã nói: “đời này, đời con mày, đời cháu mày tao cũng bắt thế bao giờ trả hết nợ mới thôi”. Đó là kiếp sống bị khinh rẻ bị ngược đãi và phải gánh vác những công việc nặng nhọc nguy hiểm như đốt rừng, làm nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa... A Phũ đã bị bóc lột sức lao động và coi rẻ, tính mạng. Khi làm mất con bò A Phũ đã bị thống lý trói vào cột cho đến chết. Tính mạng của A Phũ bị quyết định bằng bàn tay tàn bạo của thống lý. Khi đó A Phũ ta đứng trên bờ vực của cái chết: cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Qua đó, Tô Hoài đã miêu tả cuộc sống khổ cực tủi nhục và đau thương của A Phũ nhằm tiện tình cảm xót thương với số phận đau khổ của những người lao động miền núi. Từ đó, vạch trần bộ mặt tàn bạo dã man của bọn chúa đất, chúa Mường đã vui đập không thương tiếc cuộc sống của họ.

Tuy vậy, với khát vọng sống mãnh liệt bản chất gan góc, bất khuất sẵn có, A Phũ không cam chịu mà tìm mọi cách để tự giải thoát: đêm đến A Phũ cúi xuống, nhảy đứt hai vòng dây mây, nhích giãn dây trói một bên tay. Sau bao ngày bị bó buộc, khô khát, A Phũ bị trói đứng ở góc nhà chỉ đứng nhắm mắt và thần chết đã in dấu trên hai hóm má xám lại vì tuyệt vọng và khổ đau của A Phũ. A Phũ đã nằm trên bờ vực của cái chết. Còn nỗi đau nào lớn hơn khi con người ta ý thức được rằng mình sẽ chết, sắp chết, chứng kiến cái chết đang lan khắp cơ thể mà đành bất lực tuyệt vọng. A Phũ đã khóc một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhưng chính dòng nước mắt ấy đã làm động lòng đến người thiếu phụ. Mị từ vô cảm nay đã đồng cảm với nỗi đau của A Phũ để rồi sau cuộc đấu tranh nội tâm dữ dội, Mị đã cắt dây trói cứu sống A Phũ. Khi được Mị cắt dây cởi trói, A Phũ khuyu xuống vì đuối sức sau bao nhiêu bao nhiêu ngày bị đói, bị khát. Nhưng trước cái chết có thể đến ngay, A Phũ quật sức vùng dậy chạy cùng với Mị, giải thoát cho cuộc đời của chính mình. A Phũ đã được tự do, hai người trốn khỏi Hồng Ngài tới du kích ở Phiêng Sa gặp cán bộ A Châu. A Phũ và Mị lần lượt trở thành chiến sĩ du kích cùng bộ đội giải phóng quê hương.

Dưới ngòi bút của Tô Hoài, nhân vật A Phũ chủ yếu được khắc họa qua hành động, tính cách. Tô Hoài đã sử dụng ngôn ngữ mượt mà bay bổng, giàu cảm xúc, giàu hình ảnh với nghệ thuật trần thuật linh hoạt hấp dẫn. Ngôn ngữ mộc mạc giản dị đậm chất núi rừng Tây Bắc đã góp phần tạo nên thành công của Tô Hoài trong cách xây dựng nhân vật A Phũ.

Thông qua nhân vật A Phũ nhà văn đã phản ánh cuộc sống khốn cùng của con người lao động dưới ách thống trị của bọn chúa đất, chúa mường. Họ đã bị trói buộc từ những con người tự do vào vòng nô lệ. Bên cạnh đó, ngòi bút của Tô Hoài đã hướng đến giá trị nhân đạo sâu sắc và tác động đến trái tim của độc giả. “Giá trị

nhân đạo” là để thể hiện tình yêu thương giữa con người với con người, là yếu tố cần có của một tác phẩm chân chính. Đó là niềm cảm thông xót thương đối với số phận của những người dân bị bóc lột dưới ách thống trị của bọn chúa đất, chúa ruộng. Từ đó trân trọng phát hiện ngợi ca phẩm chất tốt đẹp, ca ngợi sức sống và khát vọng mãnh liệt ở họ. Và cuối cùng Tô Hoài đã chỉ ra cho họ con đường để giải thoát, tự giác đi theo cách mạng. Nếu trước cách mạng tháng 8, ngôi bút của các nhà văn đều đưa nhân vật của mình đi vào ngõ cụt. Chúng ta đã từng biết một chị Dậu phải bán con, bán chó, bán sữa mà cuộc đời của chị vẫn u ám, bế tắc không thể thoát khỏi cái nghèo. Hay đó là những đứa trẻ luôn mong ngóng đoàn tàu chạy qua để thấy được những tia sáng trong cuộc chúng và có thể nhìn thấy một cuộc sống đáng sống hơn trong tác phẩm “ Hai đứa trẻ”. Thậm chí, nhân vật Chí Phèo, một con quỷ của làng Vũ Đại cũng đã chết trên con đường tìm về với lương thiện. Nhưng đối với Tô Hoài, ngôi bút của ông đã được giác ngộ cách mạng, những số phận của con người lao động nghèo trong trang văn của ông không hề bế tắc, tuyệt vọng. Mà ông đã tìm cho họ một con đường giải thoát và đi theo ánh sáng của cách mạng. Tư tưởng nhân đạo của nhà văn cũng sáng lên ở đó. Tô Hoài cũng đã khẳng định được một chân lí muôn đời : Ở đâu có áp bức bất công thì ở đó có sự đấu tranh.”, để chống lại áp bức, nhân vật A Phủ cũng đã tự dũng cảm tìm lại ánh sáng của sự tự do.

Qua việc khắc hoạ số phận, phẩm chất, tính cách cùng sức sống tiềm tàng của nhân vật A Phủ, nhà văn Tô Hoài đã làm nổi bật hình ảnh vẻ đẹp của chàng trai Tây Bắc, khoẻ mạnh có tài năng và cá tính mạnh mẽ, là một biểu tượng của chàng trai núi rừng mộc mạc, chân chất. Qua đó, Tô Hoài đã tái hiện bức tranh hiện thực tăm tối của những người lao động nghèo, nơi giai cấp thống trị có thể tự do áp bức, tước đoạt đi quyền sống, quyền hạnh phúc của người dân. Nhưng cuối cùng, họ vẫn đứng dậy tìm lại con đường sống của chính mình và đi theo ánh sáng của cách mạng. Đúng như nhà văn Nguyễn Minh Châu từng nói: “ Nhà văn tồn tại trên đời là để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực.”

Nguyễn Diệu Linh

Học sinh khóa văn 2020- lớp văn thầy Nhật

➤ Đề 2: Phân tích sức sống tiềm tàng của Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài.

Nếu ta bắt gặp một Hoàng Cầm cả đời đắm đuối trong không gian Kinh Bắc, một Nguyễn Trung Thành say mê trải lòng với Tây Nguyên đậm chất sử thi, một Hoàng Phủ Ngọc Tường thì thâm cả tâm hồn cùng đất trời, sông nước Huế thì Tô Hoài – một nhà văn xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại, lại đam mê lựa chọn đề cao Tây Bắc hiểm trở làm không gian để tung hoành, để thăng hoa, để gửi gắm những ý nghĩa nhân sinh cuộc đời. Ông luôn cuồng say viết theo xu hướng hiện thực, viết để phản ánh những sự thật của cuộc sống đời thường trong những trang viết bình dị và đầy chất thơ. Ông sở hữu một nhãn quan phong tục đặc biệt nhạy bén và sắc sảo về nhiều vùng đất, vùng miền. Tất cả kết hợp biến đề tài miền núi trở thành mảng sáng tác tất yếu, quan trọng và vô cùng giá trị của Tô Hoài. Tiêu biểu nhất trong cho cách ấy là “Vợ chồng A Phủ”, một thiên truyện đầy chất thơ thể hiện sâu sắc đồng thời cả giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực, cất tiếng nói lên án thế lực phong kiến áp bức tàn bạo cuộc sống người nông dân lương thiện, cảm thông, trân trọng, thương xót số phận họ và ngợi ca khát vọng, nghị lực sống mãnh liệt của họ. Mà ẩn tượng hơn cả là sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân.

Nhận định về nhân vật trong tác phẩm, nhà văn Tô Hoài đã viết: "Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thấy, giải quyết hết thấy trong một sáng tác." Nhân vật văn học chính là người chỉ đường, là hoá thân cho tinh thần và tiếng nói của người nghệ sĩ. Tô Hoài đã gửi gắm trong từng trang văn là số phận của những con người lao động nghèo nhưng luôn mang trong mình sức sống mãnh liệt âm ỉ cháy chỉ đợi thời cơ để vùng lên đòi lại

ánh sáng của sự tự do. Và Tô Hoài thực sự thành công khi đã xây dựng một nhân vật làm rung động trái tim của biết bao độc giả- nhân vật Mị qua tác phẩm “ Vợ chồng A Phủ”.

Mị là nhân vật trung tâm của tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, cô vốn là một cô gái vùng cao trẻ trung, xinh đẹp, tài hoa. Cô có tài thổi sáo, thổi lá, hiểu thảo, chăm chỉ, có khát vọng tự do và hạnh phúc. Nhưng vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị một cô gái xinh đẹp cũng không thể thoát khỏi kiếp làm dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra. Khi đó, Mị phải sống một cuộc sống bị đầy đọa về cả thể xác lẫn tinh thần bị bóc lột sức lao động. Mị đã từng muốn tìm đến cái chết với nắm lá ngón trong tay. Nhưng Mị không thể chết vì một chữ hiếu. Mị chấp nhận quay trở lại làm con dâu gạt nợ, sống kiếp đời nô lệ, tủ nhục, bất hạnh. Mị càng ngày càng trở nên sống dửng dưng, lạnh lùng vô cảm với chính bản thân mình. Song song với nét tính cách ấy lại là tâm trạng của một con người yêu đời, yêu cuộc sống luôn mong muốn thoát khỏi nghịch cảnh và tìm đến ánh sáng của sự tự do. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong đêm tình mùa xuân. Chính vì thế, Tô Hoài đã từng khẳng định: cái khổ cái nhục mà Mị phải gánh chịu như lớp tro tàn phủ khuất che lấp sức sống tiềm tàng trong lòng Mị,. Và chỉ cần có một luồng gió mạnh đủ sức thổi đi lớp cho tàn nguội lạnh ấy thì đốm lửa ấy sẽ bùng cháy và giúp Mị vượt qua cuộc sống đen tối của mình.

Sau khi trở thành người con dâu gạt nợ, Mị phải sống những ngày tháng đau thương, tủ nhục, tăm tối. Rồi những tầng áp bức bóc lột của nhà thống lí Pá Tra , Mị phải sống kiếp như con vật thậm chí không bằng con vật “ bây giờ thì Mị tưởng mình là con trâu, mình cũng là con ngựa” “ lúc nào cũng nhớ đi nhớ lại những việc làm giống nhau, tiếp nhau về ra mỗi năm, mỗi mùa, mỗi tháng làm lại làm đi làm lại. “ bị giam hãm đầy đọa trong cái địa ngục khủng khiếp của nhà thống lí, Mị đang chết dần, chết mòn theo năm tháng, tâm hồn lạnh lẽo, trống vắng. Mị bị tê liệt cả lòng yêu đời, sức sống lẫn tinh thần phản kháng, mất hết ý thức về thời gian, không gian: Ở lâu trong cái khổ Mị quen rồi, mỗi ngày Mị càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa.

Những tưởng rằng cuộc đời của Mị sẽ mãi mãi như thế nhưng không phải vậy. “Sức sống tiềm tàng” là khát vọng sống mãnh liệt được tiềm ẩn bên trong tâm hồn của con người và đây cũng là vẻ đẹp của Mị. Nó như hạt mầm bị vùi trong các bông, chỉ đợi một cơn mưa là nảy mầm thành cây đời xanh tươi. Sức sống ấy đã trỗi dậy khát khao được giải phóng tự do trong Mị khi đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài đã đến.

Mùa xuân đã khơi gợi tất cả những gì còn lại trong Mị, lúc này Mị đang hồi sinh bởi mùa xuân là mùa của cây cối đâm hoa nảy lộc, mùa của hội hè đình đám, mùa của sự gặp gỡ, hò hẹn lứa đôi... có lẽ đó cũng chính là một phần trong ký ức tươi đẹp của mị. Mùa xuân ở Hồng Ngài được nhà văn Tô Hoài miêu tả một cách sinh động và hấp dẫn với những câu văn tràn đầy màu sắc hình ảnh. Khung cảnh mùa xuân tươi vui tràn đầy sức sống và ánh sáng qua hình ảnh “ cỏ gianh vàng ửng”. Hình ảnh ấy đã đối lập hoàn toàn với không gian tăm tối của mị. Đó là hình ảnh căn buồng kín mít với cái cửa sổ lỗ vuông bằng bàn tay, Mị ngồi trong đó trông ra lúc nào cũng thấy mờ mờ trắng trắng, không biết là sương hay là nắng. Giữa cái giá rét của mùa đông những người dân Hồng Ngài vẫn rực rỡ đón Xuân “ thấy hoa xòe như con bướm sặc sỡ” đầy màu sắc phấn chấn, náo nức. Bức tranh mùa xuân không chỉ được miêu tả bằng những đường nét hình ảnh mà còn là âm thanh của đám trẻ đang cười ầm đầy hồn nhiên, tươi vui. Không chỉ thế, tiếng sáo là âm thanh quen thuộc của vùng núi Tây Bắc, là tiếng lòng đắm say của trai gái Mèo gửi bạn tình nó đã xuyên qua hàng rào lạnh giá bên ngoài để vọng vào miền sâu thẳm trong tâm hồn Mị, đánh thức sức sống vẫn còn tiềm ẩn trong cõi lòng người thiếu nữ Tây Bắc này. Tiếng sáo đang thiết tha, bồi hồi lặp đi lặp lại trong tác phẩm nhiều lần qua sáu từ láy khác nhau: lấp ló, thiết tha, bồi hồi, vắng vắng, lơ lửng, dập dờn. Tô Hoài đã rất tinh tế khi miêu tả tiếng sáo từ xa đến gần: ngoài đầu núi lấp ló vọng lại thiết tha bồi hồi, vắng vắng đầu làng, lững lờ bay ngoài đường, trong đầu Mị dập dờn tiếng sáo. Chi tiết ấy trở lại như một ám ảnh, mời gọi vương vấn, khơi gợi ký ức trong mị. Đó là hiện thân vẻ đẹp của phong tục, nét đẹp và văn hóa miền núi,. Nó cũng là biểu tượng cho tiếng gọi của cuộc sống, khơi gợi

tình yêu và khát vọng hạnh phúc trong Mị. Tất cả những âm thanh màu sắc, hình ảnh đã tạo nên bức tranh mùa xuân đẹp thơ mộng, nồng nàn, rạo rực tình yêu và tràn trề sức sống.

Chính bức tranh xuân tươi mới cùng âm thanh tiếng sáo đã mang đến những biến đổi âm thầm nhưng mãnh liệt trong tâm hồn của Mị. Người đàn bà lạnh lùng, dửng dưng vô cảm nay không chỉ chú ý lắng nghe tiếng sáo từ xa vọng lại mà còn hình dung ra bóng người lấp ló ngoài đầu núi thổi sáo gọi bạn tình. Không chỉ thế, Mị có nhận ra sắc thái thiết tha bồi hồi của tiếng sáo:” Mị nghe tiếng sáo vọng lại thiết tha bồi hồi”. Sau bao ngày tháng câm lặng, Mị đã cất tiếng mặc dù chỉ là âm thanh của những tiếng hát thầm. Bởi suốt mấy năm trước đó, Mị sống mà như đã chết, suốt ngày lủi lủi như cái bóng, lúc nào cũng cúi mặt, mỗi ngày càng không nói, không nghĩ ngợi gì nữa, quanh năm suốt tháng chỉ làm những việc giống nhau: quay sợi gai, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi, công nước từ dưới khe suối lên,...nổi tiếp nhau vẽ ra trước mắt...Cô Mị chai sạn, tê liệt sức phản kháng đến mức khổ đến mức “cũng không còn tưởng đến việc ăn lá ngón tự tử nữa”. Tiếng hát cất lên là âm thanh của một bản tình ca yêu thương đầy xao xuyến, Mị ngồi nhắm theo bài hát:

Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Tao chưa có con trai, con gái

Tao đi tìm người yêu

Lúc này Mị đã bắt đầu mở lòng mình để đón nhận và hòa vào âm thanh nồng nàn của tình yêu gửi trong tiếng sáo. Tiếng sáo cất lên từ trái tim tưởng chừng như chai sạn của Mị. Giờ đây, tiếng sáo đã khiến tâm hồn của Mị đang thẫn thờ và bồng bềnh khiến cho Mị có ký ức cuộc sống ủa về.. Tiếp đến, Tô Hoài đã tinh tế khi miêu tả một nét đẹp phong tục tập quán của con người vùng núi Tây Bắc. Là lúc này đây vào đêm tình mùa xuân Mị cũng uống rượu như bao người phụ nữ khác. Mị “lén lấy hũ rượu uống ực từng bát”. Cách miêu tả tinh tế, thể hiện chân thực những biến đổi âm thầm nhưng dữ dội trong tâm hồn của người đàn bà tưởng chừng như đang nguôi tắt sức sống ấy. Cách uống “ực từng bát” không phải là cách uống của người thường rượu, cũng không phải cách uống của người thèm rượu bởi đã từ lâu Mị không thèm khát rượu nữa rồi. Mị uống như để say, để quên, uống như muốn dùng men say của rượu để chìm đi những nỗi niềm, khát khao và phần uất ức ngọt bùi cháy trong lòng. Trong văn học, chúng ta không khó để tìm thấy sự tương đồng, đó là hình ảnh của người phụ nữ trong thơ của Hồ Xuân Hương: “Chén rượu hương đưa say lại tỉnh” hay Lý Bạch thi tiên văn học Trung Quốc cũng đã gửi gắm trong những vần thơ: “uống rượu tiêu sầu, sầu vẫn sầu”. Còn Mị dường như uống để mượn cái đắng của rượu làm vơi đi cái đắng trong lòng. Cách uống rượu của Mị như báo hiệu một hành động nổi loạn, chống lại thân phận mà chính Mị chưa ý thức được rõ rệt. Chính hơi men của rượu đã đưa Mị trở về với quá khứ tươi đẹp. Và chính tiếng sáo đã mang Mị đến với những hoài niệm: khi Mị còn là cô gái trẻ đẹp, tài hoa “uốn chiếc lá trên ... có biết bao người mê, thổi lá cũng hay như thổi sáo”. Mị lịm mặt ngồi đấy, sống về những ngày trước với khát vọng tình yêu, khát vọng tuổi trẻ. Đặc biệt hơn Tô Hoài đã rất tinh tế khi dùng từ “sống” chứ không phải “nhớ”, Mị như thoát xác để tìm về những ngày xưa của sự hạnh phúc và tự do. Áo giáp quá khứ mãnh liệt đến mức dường như xóa đi những bất hạnh của hiện tại, khiến lòng Mị “phơi phới trở lại, lòng đột nhiên vui sướng”.

Quan trọng hơn, chính âm thanh, màu sắc, hay không khí ngày xuân đã tác động đến tâm hồn của người phụ nữ từ lâu đã coi mình là kiếp “trâu” kiếp “ngựa” trở về với tuổi trẻ và tiếng gọi của sự tự do. Mị vẫn nhớ mình là một con người, vẫn có cái quyền sống của một con người. Vì thế Mị nhận ra Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi như một nhu cầu thiết yếu của bao nhiêu người phụ nữ khác vào đêm tình mùa xuân. Và lúc này chính bản thân Mị đã thoát khỏi sự “lảm lủi” chai sạn tâm hồn để nhận ra bi kịch đau đớn của bản thân. “Mị và A Sử

không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau” .Mị đã thực sự thức dậy với sức sống tiềm tàng và cảm thức về thân phận của chính mình. Có lẽ đây là sự biến đổi âm thầm nhưng vô cùng mãnh liệt dự báo những thay đổi của Mị trong những hành động tiếp theo. Dù trước mắt Mị là những hạnh phúc, là sự tự do của tuổi trẻ đang trở lại, nhưng trong Mị tồn tại đầy rẫy những mâu thuẫn. Lòng Mị phoi phới, nhưng bước chân của Mị vẫn như một thói quen dẫn bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Có lẽ, đối với Mị hiện thực khổ đau ấy cô đã quen, đã thờ ơ chấp nhận đến mức không tưởng đến cái chết nữa, nay bỗng trở nên phi lí không thể chấp nhận được. “ Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa, nhớ lại chỉ thấy nước mắt ứa ra...”. Những mâu thuẫn thực sự xảy ra trong tâm hồn Mị, khi lòng ham sống thực sự trỗi dậy thì cũng là lúc Mị nghĩ đến cái chết. Nhưng với cô lúc này chết để không phải nhớ lại quá khứ và những ao ước, khát khao của mình. Hơn nữa, muốn chết là biểu hiện mãnh liệt sự thức tỉnh của lòng ham sống, khát vọng hạnh phúc, niềm khao khát ấy mâu thuẫn ấy gay gắt với tình trạng vô nghĩa của thực tại. Chính vì nhận ra nỗi cay đắng, phần uất trong lòng có nghĩa Mị đã thoát khỏi tình trạng sống lầm lũi, vô cảm suốt bao năm qua. Tuy là muốn chết nhưng hành động đó là hành động của con người yêu cuộc sống thiết tha khi bị đẩy đến cảnh “ sống không bằng chết”.

Nhưng rồi nỗi ám ảnh về tuổi trẻ và sự tự do đã xâm lấn tâm hồn Mị, để Mị có một khao khát mãnh liệt hơn bao giờ hết: “ Mị muốn đi chơi. Mị cũng sắp đi chơi.” Và hành động tiếp theo là Mị đã thắp sáng căn buồng tối tăm của mình: “ Mị lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng”. Hành động ấy như thắp lên cả khát vọng vượt qua khỏi bức tường địa ngục để về với thế giới ngoài kia rập rờn tiếng sáo. Hình ảnh ngọn đèn đang cháy cũng giống như sức sống tiềm tàng trong lòng Mị đang trỗi dậy để xua đi sự tăm tối của căn phòng cũng như sự u tối trong cuộc đời của Mị. Đó cũng là hành trình vươn ra ánh sáng của nhân vật. Tiếp đến, Tô Hoài đã miêu tả một loạt các hành động của Mị: “ Mị quấn lại tóc, với cái váy hoa, chuẩn bị đi chơi” Tất cả những hành động đó xảy ra một cách tự nhiên như một nhu cầu làm đẹp thông thường của bất kì cô gái nào khi chuẩn bị đi chơi. Nhưng đối với Mị ngay trong hoàn cảnh ấy đó là hành động đấu tranh lặng lẽ nhưng vô cùng quyết liệt. Nó đã chứng minh rõ nhất về giá trị của bản thân, lòng ham sống như đang bùng dậy mạnh mẽ, mãnh liệt khiến Mị quên mất đi cả nỗi sợ hãi trước bạo quyền. Mị hành động như một con người của tự do, đang ngân vang âm thanh của núi rừng với sự hạnh phúc đang tới gần.

Thế nhưng, khát vọng sống của Mị đang chỉ len lỏi đã bị dập tắt một cách phũ phàng trước một con người độc ác đại diện cho tầng lớp phong kiến: A Sử trở về và trói đứng Mị vào cột nhà bằng một thùng sợi dây dày và cả bằng cả mái tóc thanh xuân của cô. Xong hắt tắt đèn đóng sập cửa lại và bỏ lại Mị bị trói đứng trong căn buồng đầy bóng tối. Những hành động đầy nhẫn tâm của A Sử dường như đã đẩy Mị vào đường cùng của sự tuyệt vọng, chìm Mị chết trong sự bế tắc. Nhưng có lẽ A Sử chỉ có thể trói thể xác Mị nhưng chẳng thể nào giam giữ tâm hồn của một cô gái đang phoi phới tuổi trẻ. Cô đang ở trong trạng thái “ nửa tỉnh nửa mơ” chìm đắm trong bữa tiệc của tâm hồn cùng những giấc mơ về một thời xuân trẻ tràn trề sức sống. Tiếng sáo đưa Mị đi theo những đám chơi, những cuộc chơi. Mị như quên mình đang bị trói. Tâm hồn Mị đang sống trong thực tại ảo, sợi dây trói chưa thể làm kinh động đến giấc mơ của kẻ mộng du. Nhưng khi Mị có ý thức về thực tại tàn khốc, thì chỉ còn lại là nỗi đau, nhưng xót xa của sự tuyệt vọng: “Mị vùng bước đi, dây trói và tiếng chân ngựa đạp vào vách đưa Mị trở về với thực tại đau đớn”. Giữa cái tỉnh và cái mơ, giữa sự sung sướng của tâm hồn và đau đớn của thể xác một lần nữa Mị lại thấy mình chẳng bằng con ngựa. “Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa”. Trong suốt đêm bị trói, chính Mị đã sống trong sự mâu thuẫn, giằng xé giữa quá khứ tươi đẹp phoi phới sắc xuân và thực tại đầy rẫy những đau đớn, giữa ước mơ về sự tự do và nỗi tủi nhục cô đơn của một kiếp trâu ngựa. Dù vậy, bất kì độc giả nào cũng nhận thấy một tâm hồn khao khát sống, sức sống tiềm tàng đang âm ỉ cháy trong lòng Mị để tìm lại cuộc đời tự do, hạnh phúc bất chấp cường quyền vùi dập để vươn lên. Chính vì thế dưới ngòi bút tài hoa, nhà văn không chỉ khắc họa sức sống mãnh liệt không gì dập tắt được của tuổi trẻ mà còn làm sống lại không khí văn hóa ngày Tết đẹp đẽ, đắm say của dân tộc Mông. Đồng thời đoạn văn cũng

thấm đượm niềm xót thương vô hạn cho số phận người con dâu gặt nợ và nâng niu những giấc mơ tình đẹp đẽ của một con người. Diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa Xuân là bài ca về sức sống mãnh liệt đang tiềm ẩn trong đáy sâu tâm hồn Mị. Tuy khát vọng ấy chưa mở ra con đường giải phóng Mị nhưng nó là một dấu hiệu báo trước một cơn bão cuồng phong sẽ sắp xảy ra trong nay mai làm thay đổi cuộc đời và số phận của Mị. Như nhà văn Lỗ Tấn đã từng nói: “ Một tia lửa hôm nay báo hiệu một đám cháy ngày mai.”

Trong sự u uất của không gian và sự đau đớn tủi nhục, Tô Hoài đã để nhân vật của mình cảm lạnh trong suốt câu chuyện và hành động cũng rất ít, phần lớn là những dòng nội tâm được bộc lộ, tuôn trào trong tâm hồn Mị. Thông qua nhân vật, chúng ta thấy được tác giả đã bộc lộ rõ tài năng miêu tả diễn biến nội tâm nhân vật Mị một cách chân thực, sinh động dẫn dắt người đọc bước vào thế giới tâm hồn của nhân vật với những cung bậc cảm xúc khác nhau. Bên cạnh đó, đoạn văn được cấu thành bởi những câu văn ngắn, nhiều động từ đã được Tô Hoài sử dụng để tạo nên tình huống hành động, giàu kịch tính cho đoạn trích. Ngôn ngữ của tác phẩm mượt mà, bay bổng giàu cảm xúc, hình ảnh cùng nghệ thuật trần thuật linh hoạt, hấp dẫn đã phản ánh được cuộc sống khốn cùng của con người lao động dưới ách thống trị của bọn chúa đất, chúa ruộng. Họ đã bị trói buộc từ những con người của tự do vào vòng nô lệ. Qua đó, nhà văn đã bày tỏ sự cảm thông sâu sắc đến cô gái vùng cao, trân trọng phát hiện ngợi ca phẩm chất tốt đẹp: sức sống và khát vọng sống mãnh liệt.

Khép lại trang văn, hình ảnh của một cô Mị mang sức sống mãnh liệt cùng khao khát tự do dù trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất đã để lại trong lòng độc giả những dấu ấn không phai. Cũng như, nhà văn Nguyễn Khải đã từng viết: “ Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những gian khổ hi sinh. Ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới đó”. Thật vậy, “Vợ chồng A Phủ” là tiếng nói chung của những người phụ nữ bất hạnh, cũng như số phận của những con người lao động nghèo đang tìm kiếm ánh sáng của sự tự do. Và chắc hẳn, câu chuyện về Mị, về sức sống tiềm tàng của Tô Hoài vẫn đang, sẽ và mãi mãi để lại rung động sâu sắc trong lòng bạn đọc.

Nguyễn Diệu Linh

Học sinh khóa văn 2020- lớp văn thầy Nhật

➤ **Đề 3: Phân tích đêm đông giải cứu A Phủ của Mị trong “ Vợ chồng A Phủ” (Tô Hoài)**

Nếu chỉ dừng lại ở tác phẩm “Dế mèn phiêu lưu ký”, nhà văn Tô Hoài đã rất nổi tiếng, đã làm được cái việc mà như nhà văn Nam Cao nói là “đề đời” đối với sự nghiệp của bất cứ người cầm bút nào. Thế nhưng, nhà văn Tô Hoài đã để lại cho đời gần 200 đầu sách. Nếu tính về mặt số lượng thì mấy ai làm được như ông? Còn nói về khía cạnh nghệ thuật, bảo rằng Tô Hoài đi được xa hơn cũng chính bởi khi nghĩ đến ông, người ta cũng nhớ ngay “Vợ chồng A Phủ” – truyện ngắn đã được dựng thành phim và cũng là một tác phẩm tiêu biểu cho văn học hiện thực dân tộc miền núi mà Tô Hoài đã cống hiến. Một tác phẩm viết về mảnh đất Tây Bắc rộng lớn, lấp lánh vẻ đẹp của những con người ở vùng núi cao không cam chịu kiếp nô lệ, không cam chịu sự chà đạp của bọn chúa đất phong kiến mà vẫn vươn lên để tìm hạnh phúc, tự do. Và đặc sắc nhất có lẽ là Mị cứu A Phủ, cả hai thoát khỏi Hồng Ngải trong đêm đông.

Nhà phê bình văn học, Vương Trí Nhàn từng nhận xét về Tô Hoài với những lời trân tình như sau: “Quen biết nhiều, từng trải lắm, Tô Hoài đã trở thành một cuốn từ điển sống của nghề văn. Thời gian sẽ sàng lọc để chọn ra những gì tinh hoa mà Tô Hoài đã viết, làm giàu cho văn học Việt Nam”. Đúng thế, văn chương của Tô Hoài là

sự trộn lẫn một cách tài tình, biến hóa giữa hư cấu và sự thực, không chỉ hấp dẫn người đọc ở nguồn tư liệu tươi rói về đời sống văn nghệ một thời mà còn ở giọng kể và cách tạo không khí truyện đặc sắc. Nếu Nguyễn Tuân lên Tây Bắc để có “Người lái đò sông Đà”; Nguyễn Khải về với nông trường Điện Biên để có “Mùa lạc” thì những trải nghiệm sâu sắc trong chuyến đi 8 tháng đến mảnh đất để lại trong Tô Hoài nhiều điều thương nhớ là nguồn cảm hứng để tập “Truyện Tây Bắc” ra đời, trong đó “Vợ chồng A Phủ” được viết năm 1953.

Đọc một tác phẩm, thứ đọng lại sâu sắc nhất trong tâm hồn là cảm xúc, số phận, suy tư của nhà văn về nhân vật đó. Và Tô Hoài cho rằng: “Nhân vật là nơi tập trung hết thảy, giải quyết hết thảy trong một sáng tác”. Đến với Mị-một cô gái trẻ đẹp của núi rừng với nhiều tài năng làm bao chàng trai làng mê đắm, thế nhưng vì món nợ truyền kiếp của bố mẹ như sợi xích oan nghiệt trói Mị vào nhà thống lý. Buộc cô phải làm con dâu gạt nợ. Cuộc sống từ đây như một chốn địa ngục trần gian đối với cô gái trẻ khát vọng tự do, hạnh phúc.

Cuộc trời dậy lên thứ nhất của Mị không thành, Mị không thoát ra được cảnh ngục tù ở nhà thống lý nhưng ít nhất Mị cũng được sống lại những thời khắc tươi đẹp của tuổi trẻ. Sức sống của Mị được đặt trong một thử thách khắc nghiệt, qua đó nhà văn đã khẳng định một chân lý: dù lay lắt đói khổ, bị đày đoạ đến cùng cực thì sức sống con người không hề chết mà vẫn luôn âm ỉ cháy, chỉ gặp thời cơ là bùng lên mạnh mẽ. Hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân tuy bộc phát nhưng hứa hẹn một tương lai bùng cháy ở phía trước. Nhà văn Tô Hoài khẳng định: “Cái khổ cái nhục mà Mị gánh chịu như lớp tro tàn phủ khuất che lấp sức sống trong lòng Mị. Và chỉ cần có một lòng gió mạnh đủ sức thổi đi lớp tro buồn nguội lạnh ấy thì đóm lửa sẽ bùng cháy và giúp Mị vượt qua cuộc sống đen tối của mình”. Và cuối cùng, luồng gió ấy đã đến, đó là những chi tiết trong đêm đông dài và buồn trên núi rừng Tây Bắc.

Cuộc sống trong nhà thống lý Pá Tra không có chỗ cho tình thương và lương tri tồn tại, nó làm cho Mị trở nên lạnh lùng, vô cảm với tất cả mọi người, kể cả với A Phủ - một người bị trói đứng sắp chết trước mắt Mị, vì phải tội đánh con quan nên bị phạt vạ hết sức vô lý và trở thành nô lệ không công, sở dĩ A Phủ bị trói đứng như thế là vì trong một lần chăn bò, nhưng mãi mê bấy nhím nên đã để hổ bắt mất bò. Từ sau đêm tình mùa xuân, ngay chính bản thân mình Mị cũng không còn tha thiết, không còn xót thương nữa, hướng chỉ với người khác. Bởi nếu có tự xót thương, hẳn Mị đã thêm một lần thăm nghĩ đến nắm lá ngón để chết. Mùa đông trên các đèo núi cao vùng Tây Bắc lạnh thấy xương, ai cũng khoác cho mình những tấm áo dày nhất để giữ ấm cho cơ thể và Mị cũng không ngoại lệ. Hằng đêm, Mị thường dậy trớ lửa hơ tay cho ấm, “nếu không có bếp lửa sưởi thì Mị cũng đến chết héo”. Sau bao biến cố xảy ra Mị không còn tha thiết với cuộc sống nữa, nhưng tại sao Mị vẫn dậy trớ lửa hơ tay, phải chăng cô vẫn nuôi dưỡng một ước vọng mong manh để sưởi ấm cuộc đời lạnh lẽo của mình, mặc dù bị A Sử đánh “nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước”, dù rất mơ hồ nhưng có lẽ đó là điều duy nhất níu kéo Mị không đi đến tuyệt vọng. Trước một người sắp chết, Mị dửng dưng vô cảm, “Mị vẫn thản nhiên trớ lửa hơ tay”, sự thản nhiên của Mị như liều thuốc độc giết chết một mạng người đang cận kề cái chết. Chúng ta hoàn toàn có thể trách, trách cô gái kia sao tàn nhẫn đến vậy, nhưng sẽ ở một thời điểm khác. Từ ngày về làm dâu thống lý. Làm vợ A Sử với biết bao khổ đau giằng xé từ thể xác đến tinh thần, cô gái lương thiện yêu đời ngày xưa chết rồi, thay vào đó là một tâm hồn đã bị tê liệt. Vậy nên, “nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy thì cũng thế thôi”. Nhưng đến hôm sau, dưới ánh lửa bập bùng, bất giác Mị hé mắt trông sang thấy “một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại” của A Phủ. Dòng nước mắt của một người con trai ương bướng, gan góc, tưởng chẳng hề sợ hãi bất cứ điều gì ở đời. Dòng nước mắt như sự uất ức trước một nỗ lực bất thành trong quá trình chống chọi lại thực tại cay đắng. Một nhà phê bình văn học nổi tiếng đã từng nói rằng: “Khi tình thương chạm vào trái tim thì cho dù sỏi đá cũng thành châu lệ”. Quả đúng là vậy, dòng nước mắt của A Phủ đã đánh thức và làm hồi sinh tình thương người trong Mị. Giọt nước mắt không chỉ đơn thuần chảy trên gò má đã xám đen của A Phủ mà còn chảy vào cả trái tim băng giá của Mị. Nó đánh thức trái tim vốn dạt dào tình yêu thương của cô, tại sao vậy? Vì Mị thương cho người cùng cảnh ngộ, Mị hiểu cảm giác bị trói đứng đến chết: “Chết đau, chết đói,

chết rét, phải chết” là như thế nào rồi, chính Mị đã từng bị A Sử trói đứng như thế, “nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không lau đi được”. Ở đoạn văn này, Tô Hoài không hề đề cập đến nỗi đau thể xác của Mị, cũng không hề viết về nỗi tủi nhục của A Phủ nhưng tất cả đều hiện lên rất rõ. Mị đã cảm nhận nỗi đau của A Phủ bằng chính những cam xúc xuất phát từ nỗi đau của mình. Từ đó, Mị nhận thức rõ và căm thù sự độc ác của nhà thống lí Pá Tra, Mị thốt lên: “Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này”. Lần đầu tiên Mị nhận thức được tội ác của cha con thống lí một cách cặn kẽ: “Chúng nó thật độc ác” – điều mà từ trước đến nay, ngay cả khi bị trói đến không cựa quậy được Mị cũng chưa từng nghĩ. Khi một kẻ đang trong tình trạng mất hết ý thức lại nhận ra nguyên nhân của cái khổ mà gánh chịu thì đúng là một cuộc lội ngược dòng của ý thức. Chắc chắn, ý thức này sẽ trỗi dậy, sẽ phản kháng mạnh liệt chứ không dừng lại ở đây.

Từ cảnh ngộ của mình và những người đàn bà bị hành hạ ngày trước, đến cảnh đau đớn và bất lực của A Phủ trước mắt, Mị nhận thấy chúng nó thật độc ác, thấy người kia việc gì phải chết. Đó là sự nhận thức mang tính lý trí chứ không phải là cảm tính nữa. Mị độc thoại với chính mình “Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây mà thôi...Người kia việc gì phải chết?”. Mị nhìn thấy được sự phi lí của số phận A Phủ, Mị trân trọng giá trị con người, mạng sống con người. Lòng thương người thức dậy trong Mị và đang hình thành hành động. “Mị tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy”. Nhưng “Mị làm sao cũng không thấy sợ”, đó chính là sức mạnh của tình thương. Nếu như ngày trước Mị đã từng sợ chết thì bây giờ cái chết với Mị không còn là điều đáng sợ nữa. Vậy điều gì đã làm nỗi sợ trong Mị tan biến đi? Phải chăng đó là lúc lòng thương người trong Mị đã lớn hơn tất cả mọi nỗi sợ hãi. Tình thương ấy đã dẫn cô đến hành động cởi trói cho A Phủ. Có một điều thú vị ở đây là Mị đã hành động trong bóng tối, khi “đám than đã vạc hẳn lửa” và tối như bưng. Lần này, sức sống trong Mị mãnh liệt đến mức chẳng cần men rượu, chẳng cần những cơn say để bùng lên. Lần này cũng chẳng cần ngọn lửa hơ tay bởi ngọn lửa của sức sống, của khao khát tự do, hạnh phúc trong lòng Mị đang rừng rực cháy. “Mị rón rén bước lại, Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây”. Hành động cắt đứt dây trói cho A Phủ chứng tỏ sự nổi loạn, là vẻ đẹp sức sống tiềm tàng của Mị, là sức mạnh của cô gái Mèo dám đương đầu với lũ ác ôn, chúa đất. Dù nó mang tính chất tự phát nhưng đó là dấu hiệu dự báo cho những người nô lệ đang bừng tỉnh và đi theo tiếng gọi của Cách mạng. Có ai ngờ rằng, Mị cắt dây trói A Phủ là vô tình cắt đi sợi dây vô hình, oan nghiệt trói buộc cuộc đời mình. Mị đã làm một việc động trời nhưng đó là tất yếu. Sau khi cắt xong, Mị hoảng hốt, Mị cũng không ngờ mình dám làm một chuyện động trời đến thế, Mị chỉ kịp thì thào lên một tiếng “Đi ngay”. Vừa mới nghĩ đến việc chết thay cho A Phủ, nhưng khi A Phủ chạy đi, “Mị ghen lại”, “đứng lặng trong bóng tối”, một sự im lặng đầy giống bão. Đó là sự giằng xé đấu tranh âm thầm nhưng dữ dội. Ở lại hay chạy đi? Chấp nhận cuộc sống trong nhà thống lí hay vùng lên giải thoát? Và khi đứng trước cái chết. Mị đã “vụt chạy” theo A Phủ. Trời tối lắm nhưng chưa bao giờ lòng Mị lại sáng như thế, chưa bao giờ ngọn lửa của khát vọng sống trong Mị lại cháy mãnh liệt đến thế. Mị băng đi với tất cả sức sống trẻ trung của mình, sức sống bị kìm hãm bấy lâu nay được thoát ra. Bước chân băng đi của Mị như đạp đổ mọi áp chế, cường quyền, thần quyền, và cả nam quyền của bọn lãnh chúa phong kiến đã đè nặng tâm hồn Mị suốt bao năm qua. Mị gọi theo: “A Phủ. Cho tôi đi! Ở đây thì chết mất”, câu nói trong giây phút hỗn loạn đó chính là khao khát sống, khao khát tự do mãnh liệt của Mị. Ta thấy một kết cấu rất chặt chẽ, Mị đã cứu A Phủ thì tại sao lại không cứu mình? Nhìn bề ngoài ta tưởng hành động đó là sự liều lĩnh, nhưng thực chất đó lại là hành động xuất phát từ yếu tố bên trong, là một quá trình tự nhận thức thực tại xã hội tàn bạo, lạnh lùng. Mị cứu A Phủ bởi cô thấy sự bất công, phi lí dập giết một con người vô tội và nhận thức “người” cũng là để qua đó nhận thức, soi sáng “mình”. Mị không hề bông bột, không hề ngẫu hứng, Mị đã cảm nhận được sự đồng điệu trong tâm hồn Mị và A Phủ. Hai mảnh ghép khổ đau và cùng cực tựa vào nhau để vượt lên số phận nghiệt ngã. Thế là Mị và A Phủ chạy xuống dốc núi. Hai người

chạy khỏi Hồng Ngải – nơi mà những kỉ niệm đẹp đối với họ quá ít, còn nỗi buồn đau, nỗi tủi nhục thì chồng chất không sao kể xiết.

“Tác phẩm nghệ thuật chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo”. Tô Hoài đã thành công xây dựng nhân vật Mị qua việc miêu tả diễn biến tâm lý đầy phức tạp qua đoạn trích. Ngòi bút Tô Hoài như mỗ xẻ luôn lách tinh vi vào các ngõ ngách để tìm “vẻ đẹp kín đáo ở chỗ không ai ngờ tới, đem đến cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức” (Thạch Lam). Nghệ thuật trần thuật uyển chuyển, linh hoạt, cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, miêu tả diễn biến nội tâm biến hóa đa dạng nhưng vẫn nằm trong vòng tinh lý của sự sống. Ông đã tuân theo quy luật của phép biện chứng tâm hồn để tái hiện lại chặng tâm lý phức tạp nhưng vẫn hợp lý, hợp tình, mạch lạc. Văn phong Tô Hoài trong sáng, đậm đà màu sắc văn hóa Tây Bắc. Cùng lời văn bay bổng, giàu chất thơ mở ra cả một không gian Tây Bắc với vợi, xa xôi mà đầy cuốn hút.

Nhà phê bình văn học Hoài Chân đã từng nói: “Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người”. Tô Hoài đã vượt qua những hạn chế của dòng văn học hiện thực phê phán cũ để hòa nhập vào cuộc đời, số phận nhân vật của mình để tạo ra một cái nhìn và giọng điệu trần thuật gần gũi. Cái tâm của Tô Hoài dành cho đứa con đẻ tinh thần của mình chính là sự đồng cảm, trân trọng và khơi dậy những phẩm chất đẹp đẽ, những giá trị chân chính, những khát vọng sống hạnh phúc và tự do. Nửa thế kỉ trôi qua, “Vợ chồng A Phủ” vẫn đứng vững trước thử thách của thời gian, tác phẩm chính là sự minh chứng cho sức sống bất diệt của nghệ thuật. Sau khi gấp những trang văn lại, người đọc sẽ luôn nhớ đến câu nói bất hủ của Sê-đư-rin: “Văn học nghệ thuật luôn đứng ngoài những quy luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết.”

Nguyễn Sơn Trà

Học sinh khóa văn 2020- lớp văn thầy Nhật

➤ **Đề 4: Phân tích chi tiết tiếng sáo trong tác phẩm “ Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài**

Nhà văn Nga Pauxtopxki từng nhấn mạnh: “Chi tiết là bụi vàng của tác phẩm”. Thực vậy, chi tiết là những cái nhỏ bé, tưởng chừng như vật vãnh nhưng lại mang dấu ấn khó phai trong lòng người đọc . “Vợ chồng A Phủ” của nhà văn Tô Hoài là một tác phẩm như thế. Trong số các tên tuổi hàng đầu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam, Tô Hoài gây ấn tượng trong lòng độc giả với lối kể chuyện tự nhiên và đặc biệt sử dụng vốn ngôn ngữ địa phương rất thuần thực. “Vợ chồng A Phủ” đã đi vào trái tim người đọc bởi hình ảnh của mảnh đất Tây Bắc đầy thương nhớ, nơi có những con người đang đứng dậy để tìm lại ánh sáng của sự tự do và hạnh phúc. Mà đặc sắc hơn cả là tiếng sáo khiến bất kì độc giả nào cũng phải ấn tượng và day dứt mãi.

Đến với mảnh đất màu mỡ của văn chương, nhà văn M.Gorki từng quan niệm rằng: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. “Chi tiết” có thể là một sự kiện, một câu nói hay thậm chí là cả một ánh mắt của một nhân vật. Hơn thế nữa, chi tiết còn là một lát cắt của đời sống được nhà văn thổi hồn mình vào từng trang giấy. Có thể nói, cái tài của nhà văn Tô Hoài trong quá trình khắc họa nhân vật thể hiện ở việc chọn lọc và sáng tạo những chi tiết đắt giá, “các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng”. Thông qua chi tiết tiếng sáo,...mà tính cách, phẩm chất, số phận của nhân vật Mị được bộc lộ đầy đủ, cốt truyện được triển khai và phát

triển đầy đặn. Chi tiết tiếng sáo thực sự là những điểm sáng thẩm mỹ của tác phẩm, tạo nên sức hấp dẫn cho thiên truyện, đặc biệt bộc lộ sâu sắc tư tưởng và phong cách nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài.

Câu chuyện xoay quanh nhân vật Mị- một cô gái vùng cao xinh đẹp, có tài thổi sáo nên được nhiều chàng trai theo đuổi nhưng cuối cùng lại bị A Sử bắt về nhà “trình ma” và làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. Ban đầu Mị rất đau khổ, tuyệt vọng, tìm đến cái chết nhưng vì thương cha nên tiếp tục sống. Lâu ngày trong cái khổ Mị cũng quen dần, chỉ lằm lũi như con rùa trong xó cửa; không buồn cũng không vui. Chính vì đêm tình mùa xuân lại đến cùng những âm thanh tiếng sáo đã thôi thúc Mị thoát khỏi những u ám của hiện tại để tìm lấy ánh sáng của sự tự do. Nhưng có lẽ, chính A Sử đã tạt một “ gáo nước lạnh” để dập tắt đi hy vọng ấy. Nhưng khi Mị bị A Sử trói, tiếng sáo vẫn rập rờn, ám ảnh mời gọi Mị theo những cuộc chơi.

Tiếng sáo là âm thanh quen thuộc của vùng núi Tây Bắc, là tiếng lòng đắm say của trai gái Mèo gửi bạn tình. Nó đã xuyên qua hàng rào lạnh giá bên ngoài để vọng vào miền sâu thẳm trong tâm hồn mị, đánh thức sức sống vẫn còn tiềm ẩn trong cõi lòng người thiếu nữ Tây Bắc này. Tiếng sáo đang thiết tha, bồi hồi, lặp đi, lặp lại trong tác phẩm nhiều lần qua sáu từ láy khác nhau: lấp ló, thiết tha, bồi hồi, văng vẳng, lơ lửng, dập dờn. Tô Hoài đã rất tinh tế khi miêu tả tiếng sáo từ xa đến gần cùng những câu văn tập trung miêu tả cảm xúc của Mị khi nghe tiếng sáo vọng lại từ xa, ngoài đầu núi. Sau đó, chi tiết tiếng sáo còn trở đi trở lại nhiều lần trong tác phẩm nhiều lần. Mỗi lần trở lại là mỗi lần tiếng sáo một gần hơn, và thiết tha, quyến rũ, thôi thúc mời gọi Mị. Tiếng sáo từ chỗ là âm thanh ở bên ngoài, ở hiện tại (“ngoài đầu núi”, “đầu làng”, “ngoài đường”) đã trở thành âm thanh vang vọng trong tâm tưởng, khơi lại trong Mị những kỉ niệm quá khứ (“Đầu Mị rập rờn tiếng sáo”, “tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi...”), trở thành một biểu tượng nghệ thuật trong tác phẩm.

Không chỉ có tiếng sáo hiện tại cô nghe, mà Mị còn nhớ lại cả tiếng sáo trong quá khứ, về khoảng thời gian tươi đẹp, kiêu hãnh của mình. “Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi...”. Trong lời bài hát của người thổi sáo có khát vọng tự do và tình yêu của các chàng trai, cô gái người Mèo:

“Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Tao không có con trai con gái tao đi tìm người yêu.”

Và có cả những hờn dỗi của những người yêu nhau:

“- Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu quả pao rơi rồi...

- Em yêu người nào, em bắt pao nào...”

Tiếng sáo trở đi trở lại làm nên một miền không gian êm dịu, nên thơ trong bức tranh đời đầy tăm tối của người lao động Hồng Ngài. Mặc dù tiếng sáo vọng đến từ xa “ngoài đầu núi”, thưa thớt “lấp ló” song Mị lại cảm nhận được rất rõ: “Mị nghe tiếng sáo, thiết tha bồi hồi”. Có ai đó, đã ví tác phẩm như một chiếc bóng đèn điện và những chi tiết hay như những sợi dây tóc phát sáng. Thực vậy, Tô Hoài vô cùng tinh tế ở chỗ ông chỉ điểm vào đây những chi tiết rất nhỏ mà chứa bao ý nghĩa, làm sáng lên vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Mị. Giai điệu của tiếng sáo thiết tha mời gọi Mị đi tìm người yêu hay tiếng sáo đã khiến tâm hồn Mị đang rung lên mạnh mẽ những cung bậc cảm xúc?

Chính âm thanh tiếng sáo đang dẫn dắt và đánh thức tâm hồn Mị để trở lại với một trời kí ức đẹp đẽ của cô gái này. Mị từng là một cô gái trẻ đẹp, đầy sức sống “Trai đến đứng hẳn cả chân vách đầu buồng Mị”. Ngày đó, Mị thổi sáo giỏi. Mị uốn chiếc lá trên môi thổi lá cũng hay như thổi sáo. “Có biết bao nhiêu người mê ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.” Thực vậy, âm thanh tiếng sáo là thế giới ước mơ, nó khiến Mị xót đau khi hoài nhớ về quá khứ và cũng là chất xúc tác mạnh mẽ lay tỉnh khát khao tình yêu, hạnh phúc tưởng như đã ngủ quên trong tâm hồn của Mị. Nếu như tục cúng trình ma là hiện thân cho hủ tục phong kiến thì tiếng sáo đã làm sống dậy cả một vùng văn hoá bản địa, là tiếng gọi của cuộc sống tình yêu, đánh thức trái tim tưởng chừng như đã nguội tắt sức sống ấy.

Tiếp đến, người đàn bà đã câm lặng từ lâu nay đã cất tiếng dù chỉ là lời nói thầm: “Mị ngồi nhẩm thầm bài hát người đang thổi”, chỉ là “nhẩm thầm” song đó thực sự là một bước ngoặt trong sự phát triển tâm lí của nhân vật. trên môi người phụ nữ ấy lại đang hiện hữu những giai điệu của bài hát tình yêu! Đó là dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự hồi sinh trong tâm hồn của Mị thông qua âm thanh tiếng sáo. Chỉ tiết tiếng sáo đã mang đến cho người đọc hình ảnh của Mị mang vẻ đẹp tâm hồn của một người phụ nữ luôn khao khát tình yêu, hạnh phúc và khao khát ấy là sức mạnh để cô vượt lên thực tại tàn bạo, để trở về cuộc sống của một con người. Chỉ tiết tiếng sáo ấy vọng vào tâm hồn Mị khiến ta liên tưởng đến chi tiết “tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá” mà Chí Phèo nghe được vào buổi sáng sau đêm gặp Thị Nở. Đó đều là những âm thanh đời thường, giản dị mà biết bao ý nghĩa. Những âm thanh ấy đều có ý nghĩa đánh động miền kí ức đã ngủ quên trong lòng nhân vật, để từ đó thúc đẩy nhân vật hồi sinh.

Tiếng sáo thiết tha trở đi trở lại trong đêm tình mùa xuân đã khơi lên niềm ham sống, khát khao hạnh phúc tiềm tàng trong lòng Mị. Mị đã trở lại với ý thức mình “vẫn còn trẻ”, “Mị muốn đi chơi”. Trông thấy Mị, A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi dây ra trói Mị đứng vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột làm cho Mị không cúi, không nghiêng đầu được nữa...nhưng có lẽ A Sử chỉ trói được thể xác Mị chứ không trói được tâm hồn Mị. Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, đám chơi. Chỉ đến khi “Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được”. Sức sống ấy khiến cô quên đi tất cả hiện thực xung quanh, không thấy, không nghe A Sử nói, không biết cả mình đang bị trói. Diễn tả trạng thái mê man như một kẻ mộng du đi theo tiếng sáo của Mị. Có lẽ, tiếng sáo chính là một chi tiết đắt giá, nó xuất hiện để xua tan đi những u tối của hiện tại, mang Mị trở lại chính bản thân mình.

Như vậy, chỉ qua chi tiết tiếng sáo, nhà văn Tô Hoài đã khám phá ra vẻ đẹp tâm hồn Mị, khẳng định sức sống tiềm tàng chưa từng dập tắt trong con người của cô gái vùng cao. Qua đó, ta thấy thật thương cảm cho Mị, cho những người phụ nữ lao động miền núi trước Cách mạng tháng Tám. Họ luôn tiềm tàng khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc, đồng thời cũng nhận thức rõ về thân phận nô lệ, về cái hiện thực đen tối giam hãm cuộc đời họ. Có thể nói chi tiết tiếng sáo là một chi tiết nghệ thuật đẹp, giàu sức gợi và ám ảnh người đọc. Nó đã tố cáo bọn chúa đất phong kiến đã đẩy những con người lao động nghèo vào địa ngục tăm tối, mất đi sự tự do, mất đi khả năng sống. Những giữa ranh giới mỏng manh của sự sống và cái chết, họ vẫn luôn âm ỉ sức sống tiềm tàng, chỉ chờ đợi có hoàn cảnh thuận lợi để họ tự tìm lại tự do cho cuộc đời mình.

Nguyễn Diệu Linh

Học sinh khóa văn 2020- lớp văn thầy Nhật

➤ Đề 5: Nhận xét về giá trị hiện thực của truyện ngắn Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, có ý kiến cho rằng: Truyện là bức tranh chân thực về số phận đau khổ của đồng bào dân tộc miền núi dưới chế độ phong kiến chúa đất. Bằng việc phân tích tác phẩm, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Nhà văn Nguyễn Khải đã từng viết: “ Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những gian khổ hy sinh. Ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới đó”. Cũng giống như “ giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và tỏa hương thơm ngát.”, sức sống vẫn hiện hữu nơi khó khăn, thiếu thốn nhất. Đó cũng là sức sống của những con người lao động nghèo mà nhà văn Tô Hoài đã gửi gắm trong tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”. Ông là một nhà văn xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại, luôn cuồn say viết theo xu hướng hiện thực, viết để phản ánh những sự thật của cuộc sống đời thường trong những trang viết bình dị và đầy chất thơ. Nhưng ấn tượng hơn cả là ngòi bút hiện thực của Tô Hoài hướng đến bức tranh chân thực về số phận đau khổ của đồng bào dân tộc miền núi dưới chế độ phong kiến chúa đất qua tác phẩm “ Vợ chồng A Phủ.”

Như Balzac đã từng nói: “Nhà văn phải là thư kí trung thành của thời đại”. Thật vậy, tất cả những sự thật đều được tái hiện qua lăng kính khách quan của mỗi nhà văn. Họ là người ghi chép lại những quy chuẩn về đẹp, những tư tưởng đạo đức của từng thời đại hay thậm chí là những kiếp người khốn cùng của xã hội. “Giá trị hiện thực” là khả năng phản ánh trung thực những vấn đề chính trị xã hội, những sự kiện lịch sử trọng đại của đời sống nhân dân,... Một tác phẩm có giá trị hiện thực khi miêu tả chân thực, đầy đủ, sinh động hiện thực cuộc sống, giúp người đọc có những hiểu biết sâu sắc về đối tượng mà nhà văn miêu tả. Đó cũng là một yêu cầu cần có của một tác phẩm văn học chân chính. Ý kiến “ Truyện là bức tranh chân thực về số phận đau khổ của đồng bào dân tộc miền núi dưới chế độ phong kiến chúa đất.” là lời đánh giá về một biểu hiện của giá trị hiện thực trong tác phẩm “Vợ Chồng A Phủ”, Tác phẩm đã tái hiện chân thực số phận của những con người lao động nghèo dưới ách thống trị của bọn chúa đất chúa ruộng cách mạng tháng 8.

Trong suốt tác phẩm biết bao số phận khổ đau hiện lên như một lời tố cáo tội ác của những kẻ vô tâm đã đẩy họ vào bước đường cùng. Trước hết, bắt nguồn của mọi bất hạnh, sự trói buộc và mất tự do của Mị đó là số phận đau khổ của cha mẹ Mị .Vì nghèo nên lấy nhau không có tiền phải vay nợ nhà thống lí, mẹ Mị chết vẫn chưa hết nợ. Cái giá của đồng tiền vay nặng lãi đã cướp đi cả thanh xuân sự tự do của một cô gái trẻ. Chính Mị đã trở thành người tiếp theo gánh chịu món nợ của cha mẹ. Sau đó, cha Mị sống trong đau khổ vì con gái phải làm người ở với danh nghĩa là con dâu để trả nợ thay mình.

Một cô gái xinh đẹp, đang ở độ tuổi xuân xanh như cánh chim trên trời luôn khao khát tìm thấy sự do và hạnh phúc thì Mị bị trói buộc bởi sợi dây của thần quyền và cường quyền. Mị bị A Sử bắt về làm con dâu trong nhà thống lí Pá Tra, phải chịu đựng một cuộc hôn nhân ép buộc không có tình yêu, hạnh phúc và sự tự do. Nhưng có lẽ số phận trớ trêu với một cô gái yếu đuối, khi trở thành vợ nhưng không được hưởng một cuộc sống hay thậm chí là sự đối xử như một người vợ. Cuộc sống của Mị với A Sử có lẽ chỉ đơn giản là thân phận giữa ông chủ và nô lệ không tình yêu và sự cảm thông. Sau khi trở thành con dâu gạt nợ, Mị bị bóc lột sức lao động một cách thậm tệ: “ con ngựa, con trâu còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì cúi đầu làm việc cả đêm lẫn ngày”. Dường như bao nặng nhọc, vất vả đều dồn lên tầm vai yếu ớt của Mị, Mị trở thành công cụ lao động không biết mệt ở nhà thống lí. Chúng như những con người mất đi cả tình người bóc lột sức lao động của một cô gái trẻ mang cái danh phận của một người con dâu gạt nợ. Không chỉ thế, biết bao việc cực nhọc được Tô Hoài liệt kê một cách chi tiết cụ thể đủ để tố cáo sự tàn ác của cha con thống lí: Hái thuốc phiện, giặt đay, xe đay, bẻ bắp, bung ngô... Tất cả những công việc ấy đều đè lên đôi vai nhỏ bé của Mị. Thời gian đối với Mị chỉ còn là vô nghĩa khi dù ngày hay đêm thì Mị vẫn phải lao động quần quật suốt ngày. “ Lúc nào cũng nhớ đi nhớ lại những công việc giống nhau, tấp nập ra trước mắt. Tết xong thì lên núi

hải thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp.” Thật đáng thương thay Mị trở thành công cụ lao động, bị vắt kiệt sức lao động.

Nếu cuộc sống trước đây của Mị là cuộc sống của tuổi trẻ, của tự do thì giờ đây Mị đang bị giam cầm trong một căn buồng tối tăm, tù túng. Căn buồng Mị ở : “ kín mít có một cửa sổ lỗ vuông bằng bàn tay, trông ra chỉ thấy trăng trắng, không biết sương hay là nắng.” Căn buồng ấy biểu tượng cho nhà tù giam cầm cuộc đời, tuổi thanh xuân của chính Mị. Mị dường như bị giam cầm không chỉ là thể xác mà còn là tinh thần. Mị mất đi hoàn toàn khái niệm về thời gian và cuộc sống tự do bên ngoài bức tường kia. Trong địa ngục trần gian ấy, Mị còn bị áp chế về tinh thần bằng một hủ tục đáng sợ của cha con nhà thống lí. Mị bị ràng buộc trong một ý nghĩ: bố con Pá Tra đã "trình ma" mình là người nhà nó rồi, thì chỉ còn biết ở cho đến lúc chết rũ xác ở đây thôi! Mê tín, thần quyền đã hỗ trợ đắc lực cho giai cấp thống trị, nó là một thứ "thuốc phiện của tinh thần" đối với người dân bị áp bức, như Mác đã nói.

Mị còn bị A Sử hành hạ, đánh đập một cách vô cớ tàn bạo, dã man. Mỗi đêm, khi Mị trở dậy thổi lửa hơ tay, A Sử đi chơi về bắt gặp đánh Mị ngã ngay bên bếp lửa. Đó là hành động của một người đàn ông vũ phu, không có tình người và vô cùng độc ác. Hắn coi rẻ giá trị của một người phụ nữ, hắn chỉ coi Mị như một nơi để trút hết những cơn tức giận của mình. Nhưng trở trêu hơn, khi khát vọng sống trong Mị đang dần trở lại, sự làm lười đang dần biến mất thì chính A Sử là người cướp đi tất cả. Hắn thảng tay tạt một gáo nước lạnh vào ngọn lửa mới âm ỉ cháy trong lòng Mị. Trong đêm tình mùa xuân, Mị sửa soạn đi chơi thì A Sử đã trói đứng Mị vào cột bằng cả một thúng sợi đay và bằng mái tóc thanh xuân của Mị. Nhưng sự tàn nhẫn của A Sử và sự bất hạnh của cô gái vùng cao không chỉ dừng lại ở đó. Khi A Sử bị đánh, Mị đã phải lết từng bước vào rừng để tìm lá thuốc, lại phải thức cả đêm dài. Vừa mệt mỏi, lại đau đớn, nhưng Mị chỉ nhận lại là những cái đánh đập của A Sử.

Tất cả những điều ấy, bất cứ độc giả nào cũng phải thấy được những hiện thực khổ đau của cô gái trẻ vùng cao dưới ngòi bút hiện thực sắc bén của Tô Hoài. Chính sự đày đoạ ấy đã khiến Mị tê liệt khát vọng sống, tê liệt ý thức đấu tranh, sống như con rùa trong xó cửa, như cái xác không hồn... Qua miêu tả cuộc sống làm dâu, nhà văn đã khám phá một mảng hiện thực mới: cuộc sống, số phận khổ đau của người dân lao động miền núi nhưng con người bị cường quyền thần quyền, cái nghèo áp chế. Những áp chế về mặt tinh thần đã đẩy Mị vào tình trạng sống vô nghĩa vô cảm.

Bên cạnh số phận bất hạnh của cô gái trẻ đang phơi phới tuổi xuân, thì chính A Phủ là chàng trai của núi rừng khỏe mạnh, chăm chỉ cũng không thể thoát được kiếp người ở gát nợ. A Phủ từ nhỏ sinh ra đã bất hạnh. Bố mẹ, anh em không còn ai, cả làng chết hết vì bệnh dịch. A Phủ thành đứa trẻ bơ vơ, bị người làng bán đổi lấy thóc dưới vùng thấp. A Phủ không chịu đã chốn lên vùng cao, làm thuê làm mướn kiếm sống và đã lưu lạc đến vùng Hồng Ngài..Khi lớn lên sống kiếp làm thuê, làm mướn, nghèo khó đến nỗi không có tiền cưới vợ. Nếu ở xã hội khác, A Phủ xứng đáng được hưởng hạnh phúc. Thế mà A Phủ bị chà đạp, bị đối xử bất công khi trở thành người ở gát nợ nhà thống lí.

Khi đã phải sống thân phận của kẻ làm công trừ nợ, anh bị đánh đập, tra tấn dã man, bị phạt vạ. A Phủ bị bóc lột sức lao động với những công việc vô cùng nặng nhọc: "đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa...", việc gì A Phủ cũng làm phẳng phẳng chằng hề tính toán thiệt hơn. Vì mãi bẫy nhím, để hổ ăn thịt mất một con bò mà bị trói vào cột cho đến chết. Lúc này tính mạng của A Phủ bị quyết định bằng bàn tay tàn bạo của Thống Lí. A Phủ dường như phải đứng trên bờ vực của cái chết. “ Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau chết đói , chết rét phải chết.” Câu văn dài, nhịp nhanh đã diễn tả trạng thái tuyệt vọng và sự bất lực của A Phủ khi cái chết đang đến gần. Qua đó chúng ta thấy, Tô Hoài đã tái hiện cuộc sống khổ cực, tủ nhục và đau thương của A Phủ. Từ đó, Tô Hoài đã thể hiện tình cảm xót thương đối với

những người dân lao động miền núi và vạch trần bộ mặt tàn bạo dã man của bọn chúa đất, chúa ruộng đã vùi dập không thương tiếc cuộc sống của họ.

Có thể nói, với hình tượng nhân vật Mị và A Phủ trong tác phẩm “ Vợ chồng A Phủ”, nhà văn Tô Hoài đã thực hiện trọn vẹn sứ mệnh là “ kẻ nâng giắc” bênh vực những con người không còn ai bênh vực” khi mang đến cho người đọc về số phận của những con người lao động miền núi trước cách mạng tháng tám, Tô Hoài bày tỏ niềm yêu mến, cảm thông với những bất hạnh của họ. Bằng nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo, mỗi nhân vật được Tô Hoài khai thác từ những điểm nhìn khác nhau. Từ đó, nhà văn còn cất lên tiếng nói lên án, tố cáo chế độ phong kiến chúa đất miền núi đã đẩy dọ con người, đẩy họ vào cảnh lầm than, bất hạnh. Bên cạnh đó, tâm lí nhân vật hiện lên dưới ngòi bút của tác giả một cách sinh động qua vốn ngôn ngữ đậm chất miền núi, cùng lối kể chuyện linh hoạt, nhà văn đưa người đọc đến với cuộc sống của đồng bào dân tộc, giúp người đọc cảm thông yêu mến những con người nơi đây, từ đó trân trọng những ước mơ, khát vọng, trân trọng sức sống tiềm tàng, khả năng tự giải phóng và tìm đến cách mạng của họ. Cũng giống như “ giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và toả hương thơm ngát.”, sức sống vẫn hiện hữu nơi khó khăn, thiếu thốn nhất.

Qua tấm lòng gắn bó cùng vốn am hiểu sâu sắc về đời sống, văn hóa của vùng đất Tây Bắc, trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, nhà văn Tô Hoài không chỉ vẽ lên bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, khoáng đạt mà còn giúp người đọc hiểu hơn về văn hóa, về cuộc sống, thân phận những người nông dân Tây Bắc trước cách mạng. Qua đó, người đọc thấy được giá trị hiện thực sâu sắc được thể hiện qua tác phẩm “Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài, càng thêm hiểu rõ cuộc sống cùng khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mạng tháng 8 do sự thống trị tàn ác của giai cấp cầm quyền.

Nguyễn Diệu Linh

Học sinh khóa văn 2020- lớp văn thầy Nhật

MÔN TOÁN



THẦY NGUYỄN QUỐC CHÍ

CHÍ QUỐC NGUYỄN

082 276 8888

VĂN HỌC



THẦY PHẠM MINH NHẬT

PHẠM MINH NHẬT

086 831 8899

TIẾNG ANH



THẦY LƯU TIẾN ĐẠT

TIẾU ĐẠT

097 686 0302

VẬT LÝ



THẦY NGÔ THÁI NGÔ

NGÔ THÁI NGÔ

036 678 2246

HÓA HỌC



THẦY DƯƠNG VĂN HÀ

DƯƠNG HÀ

097 730 0100

